

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày: 21-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Kim Thành

Bà Vương Thị Minh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2024/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Chu Quang T, sinh năm 1963 tại Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 175 đường M, phường V, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 7/7; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Chu Mạnh H và bà Bùi Thị H; vợ: Trần Thị Út L; và có 01 con; tiền án - tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27-12-2023 đến ngày 29-12-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị B, sinh năm 1979; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 7/33 đường N, phường L, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, nơi cư trú: Ngõ 288 đường P, phường L, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Trần Thị B có mối quan hệ quen biết với Chu Quang T, do có nhu cầu vay tiền để trả tiền mua nhà nên ngày 20-01-2023 chị B đến nhà T đặt vấn đề vay số tiền 110.000.000 đồng, T đồng ý và thỏa thuận cho chị B vay số tiền trên với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng với lãi suất 109,5%/1 năm). T yêu cầu chị B viết 01 giấy vay tiền với nội dung ghi nhận khoản vay trên rồi chuyển 110.000.000 đồng cho chị B. T và chị B thỏa thuận trong 01 tháng (30 ngày) chị B phải trả cho T số tiền lãi là 9.900.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Chị B sử dụng tài khoản số 102004549367 mở tại ngân hàng Vietinbank mang tên TRAN THI B*** chuyển tiền đến số tài khoản 48010000457836 mở tại ngân hàng BIDV mang tên CHU QUANG T**** để thanh toán tiền lãi hàng tháng. Từ ngày 20-01-2023 đến ngày 16-12-2023, chị B đã trả đủ 09 tháng tiền lãi cho T, đến tháng thứ 10 chị B trả cho T số tiền lãi là 7.400.000 đồng và nợ 2.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi thực tế chị B đã trả cho T là 9.900.000 đồng $\times$ 9 + 7.400.000 đồng = 96.500.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự chị B đã trả cho T là 17.625.570 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế T đã nhận của chị B là 78.874.430 đồng. Đến ngày 16-12-2023, chị B bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định bắt giữ về hành vi đánh bạc nên hiện tại chị B chưa trả số tiền gốc 110.000.000 đồng cho T. Do biết chị B bị bắt về hành vi đánh bạc nên T không tính lãi tiếp cho chị B nữa, T chốt lại số tiền lãi cho chị B từ ngày 20-01-2023 đến ngày 16-12-2023 (tương ứng 331 ngày), chị B phải đóng cho T tổng số tiền lãi là: 331 ngày $\times$ 3000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày $\times$ 110.000.000 đồng = 109.230.000 đồng. Trong đó, xác định số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà chị B phải trả cho T là 20% $\times$ 110.000.000 đồng/ 365 ngày $\times$ 331 ngày = 19.950.685 đồng. Vậy tổng số tiền lãi T thu lợi bất chính là 109.230.000 đồng - 19.950.685 đồng = 89.279.315 đồng.

Do nhận được đơn tố giác về việc cho vay lãi nặng nên ngày 27-12-2023 Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập Chu Quang T lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T đã viết đơn xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời T tự nguyện giao nộp 01 giấy vay tiền ghi nhận khoản vay 110.000.000 đồng do chị B viết ngày 20-01-2023.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 110.000.000 đồng còn nợ của Chu Quang T hiện chị B chưa giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 22-01-2024, Chu Quang T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 96.500.000 đồng là số tiền lãi thực tế đã thu của chị B (trong đó số tiền lãi

tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 17.625.570 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 78.874.430 đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị B yêu cầu Chu Quang T hoàn trả lại số tiền lãi đã chiếm hưởng bất hợp pháp của chị.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKS-TPND ngày 25-02-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố các bị cáo Chu Quang T tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Chu Quang T về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Quang T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

- Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Chu Quang T từ 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng đến 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47, Điều 106 của Bộ luật Hình sự:

Truy thu của chị Trần Thị B 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại chị Trần Thị B 78.874.430 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 17.625.570 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Về tội danh:

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên

quan, sao kê tài khoản ngân hàng, công văn trả lời của ngân hàng, biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng; thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Chu Quang T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo không cấu thành các tình tiết định khung tăng nặng.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

4.1. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người có công với cách mạng (được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng ba vì đã có thành tích trong chiến đấu ở Lào); bị cáo đầu thú; bị cáo là người cao tuổi; vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s, x khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4.3. Về hình phạt chính:

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích thu lợi bị cáo vẫn thực hiện. Để tăng cường tính răn đe và phòng ngừa chung cần áp dụng loại hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo. Xét bị cáo không có công việc ổn định, bị cáo là người cao tuổi nên ấn định mức tiền phạt ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

5.1. Đối với khoản tiền 110.000.000 đồng là số tiền gốc bị cáo dùng cho chị Trần Thị B vay là phương tiện phạm tội, số tiền này chị B chưa nộp lại nên sẽ truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

5.2. Số tiền 17.625.570 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự của số tiền vay 110.000.000 đồng mà

bị cáo đã thu của chị B; xét đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, số tiền này bị cáo Chu Quang T đã nộp lại nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

5.3. Số tiền 78.874.430 đồng là khoản tiền vượt quá lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự của số tiền vay 110.000.000 đồng mà bị cáo đã thu của chị B; xét đây là khoản tiền bị cáo Chu Quang T thu lợi bất chính từ hành vi cho chị Trần Thị B vay nên cần tuyên buộc bị cáo phải trả lại cho chị Trần Thị B. Số tiền này bị cáo đã nộp lại nên sẽ được trả lại cho chị B nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền truy thu của đối với chị B.

[6] *Án phí Hình sự sơ thẩm*: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Chu Quang T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Phạt bị cáo Chu Quang T 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Truy thu của chị Trần Thị B 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại chị Trần Thị B 78.874.000 (bảy mươi tám triệu tám trăm bảy mươi tư) đồng (đã làm tròn số) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 17.626.000 (mười bảy triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn) đồng (đã làm tròn số)

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Chu Quang T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo Chu Quang T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh